

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ NINH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-7-2024  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Văn Long  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Kim Anh  
Bà Nguyễn Thị Kim Thạch

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà 04, đường P, tổ dân phố V, phường T, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Trường D, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị với anh Lê Trường D tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố M vào năm 2024. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, chồng không tôn trọng gia đình vợ. Dẫn tới từ khi kết hôn đến nay, vợ chồng không sống chung. Đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Trường D.

Về nuôi con chung: Không có con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị đơn anh Lê Trường D trình bày: Anh và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố M vào năm 2024. Vì một số lý do tâm linh trong ngày cưới tại nhà gái nên nhà gái quyết định hủy hôn và ly hôn. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, vợ chồng không sống chung với nhau, chị L sống ở thành phố M, còn anh D sống tại xã L, huyện P. Anh D không đồng ý ly hôn, tuy nhiên vì công việc ở xa, đi lại khó khăn nên anh D không thể trực tiếp tham gia các buổi làm việc, giải quyết, xét xử của Tòa án, do đó anh D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng; nguyên đơn và bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trường D ly hôn.

Về nuôi con chung: Không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Trường D cư trú tại thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trường D tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường T, thành phố M vào ngày 26-4-2024, là hôn nhân hợp pháp. Chị L cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, chồng không tôn trọng gia đình vợ. Dẫn tới từ khi kết hôn đến nay, vợ chồng không sống chung. Anh D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ một số lý do tâm linh trong ngày cưới tại nhà gái nên nhà gái quyết định hủy hôn và ly hôn. Hiện nay, vợ chồng chị L và anh D không chung sống với nhau, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Anh D không đồng ý ly hôn nhưng cũng không tích cực tìm hướng thuyết phục để vợ chồng về chung sống để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh D thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.2]** Về nuôi con chung: Chị L và anh D khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[2.3]** Về chia tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[2.4]** Về nợ chung: Chị L và anh D khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[3] Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trường D ly hôn.
2. Về nuôi con chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.
3. Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0017920 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị Nguyễn Thị T đã nộp xong tiền án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**nhân:**

- Các đương sự;
- UBND phường Thành Công, TP Buôn Ma Thuột;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đinh Văn Long**